

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ – ST.

Ngày: 21-12-2017.

V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU- TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Trọng + Ông Lò Văn Quốc.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị N.

Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn N

Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam Yên Hạ - Tổng cục VIII, Bộ Công an; Địa chỉ: Xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa chị N có mặt, anh N vắng mặt (*Có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 của nguyên đơn (Chị N) có nội dung:

Giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, không làm thủ tục đăng ký kết hôn, có được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Cuộc sống chung giữa hai anh chị hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì chị N phát hiện anh N là người nghiện ma túy, chị N cùng hai bên gia đình đã khuyên can, động viên anh N cai nghiện tại gia đình, ngoài ra anh N đã từng bị đưa đi cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Thuận Châu. Tuy nhiên do không làm chủ bản thân nên ngày sau những lần điều trị cai

nghiện là anh N lại tái nghiện. Ngày 27/5/2017 cũng do nghiện hút mà anh N đã phạm tội Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, xử phạt 08 tháng tù giam. Vì lý do trên chị N xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh N, làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu là: Quàng Văn T, sinh ngày: 11/7/2005 và Quàng Toàn L, sinh ngày: 13/9/2010. Sau ly hôn chị N có yêu cầu được tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, chị N đã giao nộp tại Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau:

- Sổ hộ khẩu gia đình (*Bản sao*);
- Giấy khai sinh cháu: Quàng Văn T + Quàng Toàn L (*Bản sao*);
- Giấy CMND của chị Quàng Thị N (*Bản sao*);
- Bản án số: 114/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu (*Bản sao*).

Ngày 09/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ tới Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đối với phía bị đơn là anh Quàng Văn N.

Kết quả ủy thác thể hiện:

- Anh N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, về yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của nguyên đơn; Đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là chị N giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập.

- Tại bản tự khai anh N có ý kiến: Thừa nhận giữa anh và chị N có xác lập mối quan hệ vợ chồng như chị N trình bày; Thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do phía anh N nghiện ma túy và phạm tội Trộm cắp tài sản; Không nhất trí ly hôn do vẫn còn yêu thương chị N; Thừa nhận giữa hai người có 02 con chung là cháu Quàng Văn T và Quàng Toàn L; trường hợp vợ chồng ly hôn nhất trí để chị N trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến khi trưởng thành; không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung; vợ chồng không vay nợ chung.

- Anh Quàng Văn N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 23/11/2017.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 30/11/2017: Sau khi được tiếp cận, tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện Phù Yên thực hiện theo quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, thì nguyên đơn (*Chị N*) giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn anh N, yêu cầu trực tiếp

nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra chị Ng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn – Chị N giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh N, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu như sau:

- Về tố Quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm, thì Thẩm phán được phân công làm chủ Tòa phiên tòa cùng Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự cũng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa do anh N đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS; để xét xử vắng mặt anh N là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 12, 14, 15, 69, 70, 71, 72, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề xử không công nhận quan hệ giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N là vợ chồng; Giao 02 cháu: Quàng Văn T và Quàng Toàn L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N; Buộc chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết ly hôn là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Chị Quàng Thị N, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa do anh N đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Để xét xử vắng mặt bị đơn là anh Quàng Văn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ chung sống giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N vào năm 2003 là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục, có thời gian thực tế chung sống cùng nhau và có con chung. Tuy nhiên anh N, chị N không làm thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với các lý do trong thời gian chung sống anh Ngoãn nghiện ma túy, vi phạm pháp luật bị kết án phạt tù, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 9 và Điều 14 Luật HN&GD; Mục 4

Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ Tư pháp; Đề tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 cháu là: Quàng Văn T, sinh ngày: 11/7/2005 và Quàng Toàn L, sinh ngày: 13/9/2010. Xét bản thân anh N là người có nhân thân xấu, đang phải chấp hành án phạt tù. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung của chị N, đồng thời chấp nhận ý kiến không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, theo quy định tại Điều 15, 69, 70, 71, 72, 81, 82 và 83 Luật HN&GD.

Anh N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Do chị N và anh N cùng không yêu cầu giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét.

[2.4] Về vay nợ tài sản chung: Không có, do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn do đó phải chịu toàn bộ án phí giải quyết ly hôn là 300.000đ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Các Điều 9, 12, 14, 15, 69, 70, 71, 72, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Xử không công nhận quan hệ giữa chị Quàng Thị N và anh Quàng Văn N là vợ chồng. Chị N và anh N phải chấm dứt ngay quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 cháu: Quàng Văn T, sinh ngày: 11/7/2005 và Quàng Toàn L, sinh ngày: 13/9/2010 cho chị Quàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (*Đủ 18 tuổi*). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

- Anh N được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Quàng Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ do chị N đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2013/04875, ngày 18/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Báo cho chị N biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Báo cho anh N biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục hợp lệ./.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Kỳ Việt